NĂM THỨ NĂM SỐ 211 Thứ năm, 8 tháng 11-1945

TRI TÂN TẠP CHÍ

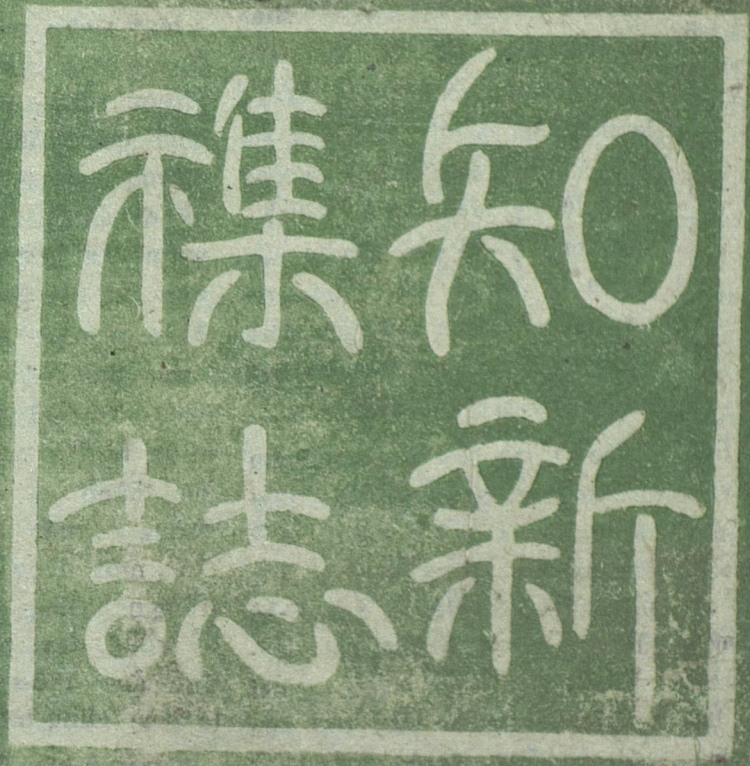

Giá 1$20

Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa năm thứ nhất

Ung hộ cuộc kháng chiến của Giải phóng quân Việt L

Ung hộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam

Tinh-thần thượng võ

Ưng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NƯỚC Nam ta lập quốc đã lâu (2879 trước T. C), không kể hơn hai nghìn sáu trăm năm của họ Hồng-bàng, là đời đã xa. Kể ngay trong khoảng hơn nghìn năm Bắc-thuộc (207 tr. T. C. đến 905 sau T. C.) Nước ta đã có các vị anh - hùng anh - thư đứng lên chống cự những cuộc - sách quận - huyện và đô hộ để giữ lấy giang - sơn, như Hai bà Trưng (40-42 sau T. C.), Lý Nam đế (541-602), Mai Hắc-đế (722), Bố-cái đại vương (791), đều là những bậc xây nền đắp móng cho tương-lai, công nghiệp các vị ấy đã nhiều lần nói trên báo, nay không phải kể lại nữa, chỉ xin nhắc để độc giả nhớ rằng dân ta đã biết trọng quyền độc-lập từ hai nghìn năm nay, mà tinh-thần thượng-võ cũng đã cao lắm. Tuy đời Tần có lập mưu tỷ-dân và các đời Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, đem những thi-thư, lễ-nhạc giáo-hóa, gieo giắc sang ta, là có ý làm cho ta đồng-hóa, như một quận của đời Tần đời Hán, nhưng dân ta vẫn y nhiên quốc tính, thì đủ biết cái tinh-thần độc-lập không thể lấy cường - quyền mà áp - chế được.

Lại kể từ đời Ngô (939-965) đời Đinh (968 - 979) trở xuống, gần nghìn năm, nền độc lập được [illegible]ếp vững-vàng, đều là nhờ ở cái tinh-thần thượng-võ của dân ta, trình độ càng ngày càng cao, dân-khí càng ngày càng mạnh; Xem như đời ngô giết được quân Nam Hán ở sông Bạch-đằng, đời Lê-đại Hành đánh được quân Tống ở ải Chi-lăng, đời Lý sang tận đất Tống hãm luôn ba châu, lại mở bờ cõi phía nam, đời trần giệt được quân Nguyên, Lê-Lợi đuổi người Minh ra khỏi nước, Nguyễn - Huệ chôn quân Thanh ở gò Đống-đa, đời Lê lại mở thêm về phía nam đến hết nước Chiêm thành. Những võ-công oanh-liệt ấy, đều nhờ ở cái tinh - thần thượng - võ của dân ta, nếu không thì lấy gì mà đứng cạnh một cường - quốc đến mấy nghìn năm nay, mà lại còn làm đàn anh được các nước phía nam nữa.

Vào khoảng hơn tám mươi năm nay, nước ta bị người Pháp xâm chiếm, dân ta từ bấy giờ lại mắc phải cái ách không khác gì ách quận huyện đời Hán và ách đô-hộ của đời Đường. Nhưng cái tinh-thần của dân ta vẫn mạnh, cái chí khí của dân ta vẫn bền, cho nên mới có những truyện chép lại ở trong sử sách mà tôi dịch ở dưới này. Truyện chép bình thường, văn viết dản-dị, ấy thế mà công đức to lớn lắm, vì lối chép sử của ta, một chữ cũng đủ khen chê, không phải tỉ-mỉ như lối bây giờ. Vị nào được chép vào sử, ghi tên vào đền thờ là những vị trung thần nghĩa - sĩ cả. Nếu hồi Pháp mới sang ai ai cũng một lòng vì nước quên mình như thế, thì chắc là cái cuộc Pháp thuộc phải xoay ra tình-thế khác...

Cách độ sáu năm nay (1939) bên Tây có cuộc Âu-chiến kinh-thiên động địa, là một việc rất « may » cho nước ta, vì cơ-hội ấy mà nước ta có hy-vọng giải-phóng, độc - lập. Người Nhật đem quân đến đóng ở Đông-dương, một là làm nơi căn-cứ để đi đánh các nước xung-quanh, hai là chặn đường cứu-viện của các địch-quốc. Người Pháp vì yếu-thế hoặc vì hèn-nhát, phải chịu để cho quân Nhật hoành-hành như đến một nước bị đầu hàng, dân ta bấy giờ thành ra « một cổ hai chòng »: một đàng thì bị thu thóc, một đàng ruộng cấy lúa trồng ngô đang tốt, bắt phá đi để trồng đay, thầu dầu... cái tình-cảnh khổ-sở ấy đồng-bào ta ai ai cũng biết.

Nhưng ở bên Tây, nước Đức bị thua, người Pháp ở Đông-dương âm-mưu để chống-cự người Nhật, cho nên người Nhật mới cướp chính-quyền ngày 9 tháng 3 năm nay. Sau khi người Nhật lấy của người Pháp, cho

đến lận rằng « nước Nam độc lập » nhưng người Nhật không thật lòng, tuy có giao chính-quyền cho ta, mà vẫn giữ việc cốt yếu. Dân ta tự-biết những hành-vi như thế, không khác gì đồi chủ, cho nên mới nổi lên đánh lại người Nhật. Trong khi ấy, người Nhật thua Đồng-minh, phải đầu hàng. Bởi vậy, mới có cuộc đảo-chính thứ hai vào ngày 19 tháng 8 năm nay. Lần này thì ta mới thật là độc-lập, không phải có người cầm đầu ngầm-ngấm ở trong nữa.

Nhưng vì Nhật đầu hàng Đồng minh mà lại đóng quân ở Đông-dương, nên Đồng-minh mới chia người Tàu sang tước khí-giới quân Nhật ở Bắc-bộ Việt-nam người Anh sang tước khí-giới ở Nam-bộ Việt-nam.

Nhân cơ-hội ấy người Pháp nhờ người Anh cầm đầu để hy-vọng trở lại chiếm cứ Việt-nam một lần nữa, mà người Anh lại vẫn giữ cái chính-sách thực-dân, cho nên người Anh cũng đỡ đầu cho Pháp để sinh sự đánh nhau với quân ta. Bắt đầu khởi sự từ ngày 23 tháng 9 vừa rồi. Quân-sĩ Anh lại bắt ép người Ấn, người Nhật cự lực người Pháp, thế là dân Nam ta phải chống cự với quân bốn nước!

Đã sau năm nay, nước Anh nước Pháp vẫn nói rằng « chiến-đấu vì tự-do », nay người Anh lại đàn-áp phong-trào tự-do của Đông-dương và Nam-dương, ngang nhiên làm rối cuộc hòa-bình, không còn coi cái quyền dân-tộc tự-quyết vào đâu cả. Cho nên đồng bào ta nhất-định chống-cự những hành-vi ấy, kháng-chiến cho đến cùng, ai ai cũng một khẩu-hiệu « không được tự-do, thà chết còn hơn ».

Nghe tin trong Nam-bộ, Anh, Pháp Ấn, Nhật có nhiều những cử-chỉ hung tàn, mà dân ta vẫn không hề nản chí, ai ai cũng ngũ rằng đã được giải phóng ra ngoài vòng, thì không khi nào lại chịu mắc vào cái ách thứ hai nữa. Chí phấn-đấu và chiến-công oanh liệt của đồng-bào Nam-bộ ta bật là xứng-đáng với những trang sử vẻ vang của các bậc tiền bối

Nhân ngày « Toàn-quốc kháng chiến » là ngày 5 tháng 11 dương lịch, nhà nào cũng treo cờ, gián giấy, căng biển đề hai khẩu-hiệu : « Cương quyết đành độc-lập » và « Ủng-hộ cuộc kháng-chiến anh-dũng của đồng-bào Nam-bộ », tôi dịch mấy truyện dưới này để mặc-niệm những chiến-sĩ đã quyên sinh vì nước.

Trừ mấy truyện như « Phan-thanh-Giản, Nguyễn-tri-Phương, Hoàng Diệu, nhiều người đã biết, còn toàn là những truyện chưa ai dịch ra quốc-ngữ, mà truyện nào cũng có dính đến người Pháp khi mới sang ta : Người thì đánh Pháp tử trận, người thì bị bắt không phục mà chết, người thì quân Pháp bảo không nghe mà tự tử, y như đồng-bào trong Nam đang hy-sinh để giữ lấy quyền độc-lập, tự-do cho đất nước.

Lê-Sĩ, Người huyện Phong-lộc, tỉnh Quảng-bình, lúc đầu do chân anh-danh (cũng như Âm-tử bên văn) được phái đi theo quân vụ Trấn-tây. Năm 1842 bổ xuất-đội, vì có nhiều công được thăng thành-thủ-úy, sung chức hiệp quản Quảng nam. Năm 1848 thăng phó vệ úy dần dần thăng lĩnh-binh tỉnh Ninh-bình. Năm 1859 sung chức đốc-binh quân thứ Quảng nam. Năm 1861 lĩnh phó-đề đốc Biên hòa, rồi triệu về kinh thự chức chưởng-vệ quản coi tất cả ấu triện vệ tả-dực dinh vũ-lâm kiêm quản các vệ kinh tượng. Năm 1863 lĩnh tuần phủ Thuận-Khánh (Bình-thuận và Khánh-hòa). Năm 1864 thăng chưởng chưởng vệ coi vệ hữu dực dinh vũ lâm. Năm 1868 Đoàn Trung phạm vào cung quyết Lê-Sĩ đem quân bản bộ chặn bắt đảng giặc, có công được thăng thống-chế dinh Vũ-lâm phong tước kiên dũng nam, gia thưởng bài vàng tiền vàng, rồi do ban hàm được quyền coi hữu quân lại kiêm quản vệ thượng tứ. Năm 1871 thự chức hữu quân đô thống. Năm 1883 thăng hữu quân đô thống đem quân giữ thành Trấn-hải ở Thuận-an mùa thu năm ấy nước Pháp đem thuyền quân lại đánh, Lê-Sĩ cùng thống chế Lê-Chuẩn, phó-phòng-luyện Lâm Hoằng chia quân chống giữ, gắng nhau suốt hai ngày, súng không ngớt, quân Pháp bèn chia quân xuống những thuyền vận nhỏ đi vào bờ, từ sau đường Thái-dương đánh áp vào thành, thành bị hãm, Lê Sĩ và Lê Chuẩn cùng Lâm-Hoằng, chưởng vệ Nguyễn-Trung đều tử trận (được dịch *Đại-Nam liệt truyện nhị tập*, q. 35, tờ 1 a đến 2 a).

(Xem tiếp trang 12)

ĐÃ TIN ĐIỀU TRƯỚC

KIẾN-XƯƠNG

Về phương diện xã hội, nhiều người thiếu một não sét đoán. Bằng mấy cái quan niệm thô sơ, và dản lược, của nho học như cùng, thông, biến, và trị loạn, cùng một ít kinh nghiệm cũng thô sơ và dản lược không kém, rút ở cái lịch sử trầm-trọng và cằn cỗi Á đông, nhiều kẻ học dã hoang mang trước cuộc biến của xã hội đương thời cho chuyện xã hội như một mớ bòng bong, may ai nấy được, đen ai nấy thua, chẳng ra nghĩa lý gì, không biết đàng nào mà tin tưởng và hành-động, hay có tin tưởng và hành động thì cũng chỉ đến : thấy to bụng thì sợ, hay đỏ đâu đánh dấy.

Sự thực, việc xã hội không đến như thế. Với khoa học, người ta đã chứng tỏ rằng xã hội cũng như sinh vật, cũng như vạn vật, đều tiến triển, phô diễn theo những luật lệ nhất định và có hệ thống rõ ràng.

Đọc lịch sử, xin các bạn đừng có dùng phương diện chủ quan, nghĩa là đừng có chú ý tỉ mỉ xem họ nào đã làm vua họ nào đã làm quan, ông nào đã anh hùng, ông nào đã trung nghĩa. Trong cuộc phô diễn lớn lao của nhân loại, lịch sử đã tỏ rằng, những việc hưng vong thành bại của các triều đại chẳng qua là chuyện vụn vặt cá nhân như thân phận con xe, con tốt trong bàn cờ. Sự đáng chú ý là cái đại thể của toàn cuộc cờ, cái hình thức phô diễn tiến triển của cả đại khối dân chúng trong lịch sử.

Cho nên, không nhận sét theo năm tháng hay triều đại, khoa xã hội học mới đã phân chia lịch sử, theo cái hình thức tổ chức của nhân loại, — về các phương diện kinh tế, chính trị, sinh hoạt, tư tưởng — ra làm mấy giai đoạn chính : nguyên thủy, bộ lạc, phong kiến, tư bản v. v... Những giai đoạn ấy kế tiếp nhau theo những điều kiện nhất định về thực tại và giai đoạn sau đã thành hình trong giai đoạn trước để lại diệt nó đi mà tiến lên, rồi lại thai nghén ra một giai đoạn tương lai. Thực không khác trong sinh vật giới ; sinh vật có sinh sản, và mỗi khi sinh sản để nối giõi, lại là tự hủ cái bản thể hiện tại của mình.

Lịch sử mấy nghìn năm của ta đến cuối thế kỷ thứ 18 hãy còn hoàn toàn trong chế độ phong kiến rồi tiếp súc với Tây dương, cái ách thực dân khoác lên cổ, ta được nếm ít mùi đắng cay của cái xã hội tư bản.

Gặp phong hội mới, guồng máy xã hội đã quay theo một đà khác, và càng ngày càng tỏ ra bị giằng buộc chặt chẽ trong mối tương quan quốc tế. Bao nhiêu chuyện đã sẩy ra ngoài sự suy tính khôn ngoan hay vụng dại của người đương cục, Tây đến, Tây đi, Nhật sang, Nhật bại, tất cả bấy nhiêu việc đã phô diễn ra, một cách tàn nhẫn tiền định, ngoài sức người chủ trương mong muốn làm cho ta càng hiểu cái luật tiến-triển chặt chẽ của nhân loại.

Trong khi một số người hoang mang như vậy, vì không nhận định được cái trào lưu tiến hóa ấy, đã như anh đánh bạc sai nước, ngồi đánh quàng xiên bậy bạ, quay khoanh tay chán nản, thì vẫn có những phần tử sáng suốt, hấp thụ được cái não suy diễn khoa học, đã tiên đoán, và dám đem cả tính mệnh thân thế mà đánh cuộc với tất cả những sự thực sẽ sẩy đến và phải sẩy đến. Với cái não suy diễn ấy, thì những sự kiện lịch sử đó là tất nhiên cả, tất nhiên một cách tàn nhẫn chặt chẽ như số tiền định, vì chính nó là cái luật tiền định khoa học của lịch sử. Việc vong quốc cuối thế kỷ 18 cũng là tất nhiên, cũng như những trận đại chiến 1914-18, trận đại chiến 39-45, cùng với — trong thời gian ấy — bao nhiêu cuộc an trong nước và ngoài nước, những việc chiến tranh Hoa Nhật và Pháp Nhật v.v. tất cả bấy nhiêu việc đều là tất nhiên cả. Trong lúc Pháp mạnh đã tiên liệu được việc Nhật sẽ đến, trong lúc Hoa nhật đã tiên

đoán được việc Nhật sẽ thua v.v. cũng đều căn cứ ở cái luật tiến hóa chặt chẽ của lịch sử.

Bây giờ đây, cuộc chiến tranh diệt Phát Sít đã kết liễu, đường lối tương lai của nhân loại hiện ra rõ ràng minh bạch, lớp sóng sau cuốn lên rồn rập, một mặt trận dân tộc giải phóng đang bùng bùng nổi dậy để lôi cuốn một phần nhân loại theo cho kịp một giai đoạn xã hội mới nguy nga sán lán đã thành hình trên một phần thế giới hiện thời. Cái hiện tại của một xã hội người thống trị người, và người bóc lột người đang tự nó phải thối nát và tàn rữa đi, và cái tương lai của xã hội tốt đẹp tuổi trẻ hơn đã đủ tháng đủ ngày, chỉ còn một chút chờ đợi, một chút cố gắng, thì giờ thoát lý, giờ giải phóng, giờ thành công đã nổ như sấm vang để báo hiệu cho cả nhân loại, cả không gian lẫn thời gian và mở đầu cho một giai đoạn lịch sử mới mẻ nguy nga mà bất diệt.

Cái trào lưu lịch sử ấy nó chảy suôi cuồn cuộn, lãnh đạm, vô tình, cay nghiệt, không có thương gì những chế độ hiện tại đang tàn rã, và cũng không phải có vị gì những thế hệ chớm nở tương lai sống đứng phương diện chủ quá, chúng ta là dòng người muốn sinh tồn thì phải tiến lên, chúng ta cũng bắt chước như Yên Ly trước khi đâm Khánh Kỵ còn soay người để đón theo làm gió cho mũi giao thêm mạnh, chúng ta phải — cả là sự dĩ nhiên — lướt theo đà cái trào lưu ấy mà diệt cho tan những mối hãm tử phản động. Việc sâm lược ở Nam Bộ chẳng qua chỉ mới là một, trong cuộc vật lộn gay go, máu sắt đang nhào lẫn lửa chiến đấu ngàn ngụt trong hay t quần, đang thúc dục, sô đẩy người ta tiến tiến — vui vẻ, hăng hái reo hò, coi cái chết như không, thù vẫn còn một chút cái bản năng bảo tồn khiến ta ngần ngại, ngơ ngác và tự hỏ một cách ngây thơ làm sao cuộc chiến ấy đã có và chưa kết liễu. Song binh tĩnh, các bọn hồi tưởng lại cái không khí hơn tháng đây về trước, sau một cuộc mà chúng ta đã hình như thấy nhạt nhẽo thiếu thốn. Khiến có người đã phải thốt ra : Máu chiến sĩ chưa được thỏa mãn, và cuộc chiến không nguy hiểm thì thắng không vẻ vang. Những người ấy đã cảm thấy sự khuyết điểm của lịch sử, và vô ý thức họ đã dự đoán được cuộc gay go trong hiện tại cho nên có lạ gì ? Việc đã sảy ra và sẽ sảy ra. Nếu chịu suy siễn một cách thiết thực hợp lý, ta có thể nhận trước được tương lai cũng khá rõ rệt, những phản động lực đã sảy đến với ta là tất nhiên cả, và cũng tất nhiên như cuộc chiến thắng, cuộc hành công rồi sẽ phả đến một cách rực rỡ, chắc chắn. Đừng vội thấy to bụng mà sợ, cũng đừng vội đem đỏ đen mà suy lý, đều phải chú ý hơn cả, là đi làm sao sát và đúng với trào lưu. Đấy là cái lực lượng phi thường mãnh liệt, quyết định chung cho lịch sử và nhân loại, cái lực lượng vô hình song lớn lao vô cùng đã bảo vào mặt những bọn sâm lược cùng binh độc về cũng như đã nhủ vào tai những lớp người nhỏ yếu, song đang cố vươn lên để tiến tới những lời bất hủ : « Thuận ngã giả sương, nghịch ngã giả vương ».

Tình hình quốc tế không lúc nào như bây giờ đang gấp rút quan thiết, cái guồng máy tiến triển trong đây lát có thể tiến nhanh hơn một kỷ, trận gió lớn từ phương xa đang cuộn lại, chúng ta, các dân tộc phải tiến, hay rước mình đón lấy, dù tàn tật như Yên Ly, biết thuận gió đã một giao phóng trúng mà giết được tay kiệt liệt là Khánh Kỵ, thì chiến sĩ của ta, đầy sinh lực, chiến sĩ bọn hôm nay, để tiến thẳng vùng vẫy ngang tàng ở ngày mai, lại được cả một trào lưu vô cùng lớn lao, mãnh liệt dun đẩy, nâng đỡ, cả một thế hệ chiến sĩ hiên ngang ấy, có ngại gì cái thế lực sâm lược thoái hóa sắp tàn. Ngày nay và tương lai cũng của chúng ta cuộc kháng chiến phải thành công, vì chúng ta lớp người của tương lai thế và lịch sử cả hiện tại và tương lai cũng định thế. Đoàn kết lại ! để hôm nay kháng chiến và ngày mai ca hát. Chúng ta quyết chiến, chúng ta quyết thắng, chúng ta quyết sướng ! Ánh bình minh đã rọi sáng, cả một thế gian mới tưng bừng đang chờ đợi và đón gọi.

KIẾN-XƯƠNG

BÀI DIỄN VĂN

CỦA ÔNG TRẦN HUY LIỆU

Bộ trưởng bộ Tuyên truyền

HỞI anh chị em đồng bào :

Muôn ngàn năm vận mệnh của dân tộc Việt Nam ta chỉ định đoạt trong giờ phút này. Lịch sử đã đưa nước ta đến một giai đoạn quyết liệt mà trai, gái, già, trẻ giàu, nghèo, lương, giáo đều nhận thấy một cách rõ ràng.

Chiến đấu thì sống, không chiến đấu thì chết ; đoàn kết thì còn, không đoàn kết thì mất.

Cái gương tranh đấu ấy, anh chị em đồng bào ở Nam Bộ đã nêu cao. Chúng ta có thể nói rằng chúng ta không hổ thẹn với ông cha chúng ta từ mấy nghìn năm trước đã từng chiến đấu cho nền Độc lập của nước nhà. Với những trận đánh vô cùng anh dũng như trận Thị nghè, trận Xuân Lộc mà Vệ quốc quân ta đã đánh lui nhưng liên quân Pháp-Ấn Anh-Nhật có chiến cụ tối tân với những chiến sĩ ta tự đối mình nằm đói khát dầu, tự mang tạc đạn nằm đánh vào tàu chiến, những can đảm vô song ấy, chiến-công oanh liệt ấy, trên thế giới cũng rất hiếm có và đã tỏ ra cho hoàn cầu biết rằng dân tộc Việt Nam đã tinh thần để đổ giọt máu cuối cùng mà giữ vững nền độc lập cho đất nước.

Hỡi anh chị em đồng bào,

Chúng ta phải nhận rõ Tổ quốc ta đang lâm vào một cảnh rất khó khăn. Một mặt thực-dân Pháp núp sau quân đội Anh, Ấn, Nhật đương tấn công ráo riết ở các tỉnh miền Nam ; một mặt nạn đói kém đương hăm dọa ở các tỉnh miền Bắc. Và rồi đây còn bao nhiêu biến thiên sẽ xảy ra, bao nhiêu trở lực còn chồng chất trên đường giải-phóng của dân tộc chúng ta.

Nhưng lịch sử đã cho chúng ta thấy trải qua bao nhiêu thời đại, dân tộc Việt-Nam, trước cuộc sinh, tử, tồn vong của đất nước, đều vùng đứng dậy, hàng trăm người như một người, hàng vạn người như một người, hàng trăm triệu người như một người, đều vứt bỏ tất cả tính mệnh, cả tài sản, vứt đến cả thành kiến, tự ý, tiểu khí, để cùng nhau liền cánh chen vai, xông ra giết giặc cứu nước. Cái tinh thần đoàn kết, cái trí-khí quật-cường, cái tiết tháo hy sinh ấy, hai tháng vừa qua đã bốc phát mộ cách hùng hồn vô cùng, cảm động vô cùng. Tôi tin chắc rằng cái tinh thần, cái chí khí, cái tiết tháo ấy trong những ngày thử thách gay go sắp tới đây, sẽ bùng nổ lên một cách mãnh liệt hơn nữa, anh dũng hơn nữa.

Giặc Pháp đã làm một bài tính lầm thì tưởng rằng có thể dựa vào thế lực quân bị và một nước khác là có thể bẻ gẫy tinh thần tranh đấu của dân tộc ta. Sự thật đã cho chúng thấy rằng muốn lấy lại đất nước này phải đẫm lênương máu của 25 triệu người này.

Chúng ta lại nên nhớ rằng : Về phương diện quốc tế, trên trường tranh đấu, chúng ta không bị cô độc. Trong cuộc kháng chiến để giải phóng quốc gia, công lý và nhân đạo trên thế giới về phía chúng ta. Bao nhiêu cuộc bùng nổ của các dân tộc nhỏ yếu ở Nam dương quần đảo, Mã lai, Ấn độ, Liên phi, bao nhiêu cuộc biểu tình ủng hộ, bao nhiêu uyển cáo của các đoàn thể, các hình khách tại các cường quốc đã biểu lộ sự đồng tình với cuộc tranh đấu dành quyền độc lập của các dân tộc nhược tiểu như nước Việt Nam ta.

Chúng ta không thể tưởng tượng thế giới sau 5 năm chém giết như thế, rồi bây giờ ngồi nhìn một bọn thực dân hung ác cuối mùa dương bóp cổ các dân tộc nhược tiểu mà không một cường quốc nào lên tiếng cả hay sao ? Trên trường quốc tế, tôi tin rằng thế nào cũng có một cuộc can thiệp. Nhưng muốn có can thiệp có hiệu quả, chúng ta cần phải có thực lực kéo dài một trường kỳ kháng chiến.

Hỡi anh chị em đồng bào :

Trong trận chiến-tranh này, chúng ta chỉ chiếm một vài thành phố không đủ kể. Điều kiện thời gian quyết định tất cả. Ai bám giữ được lâu thì người ấy sẽ chiếm được thắng lợi cuối cùng. Mà tôi tin chắc rằng đồng bào ta sẽ kháng chiến được

(Xem tiếp trang 18)

Dịch thơ Anh

THE WAY TO WIN

If you think you are beaten, you are;
If you think you dare not, you don't;
If you want to win, but you think you can't,
It's almost certain you won't;
If you think you will lose, you've lost;
For out in the world we'll find
Success begins with a fellow's will.
It's all in the state of the mind.

If you thinh you're outclassed, you are;
You've got to thinh high to rise;
You've got to be sure of yourself before
You ever can win a prize.
Life's battles don't always go
To the strongest or fastest man;
But, soon or late, the man who wins
Is the man who thinks he can.

Curtis Yorke.

CON ĐƯỜNG THỦ THẮNG

Kính tặng chiến sĩ Nam Bộ Dân-chủ Cộng-Hòa năm thứ I Thanh Quý Tỵ.

Nếu mình sợ việc làm thất bại,
Thất bại rồi, còn phải bàn chi.
Chưa leo đã sợ ngã quỵ,
Ôm cây, nhường lại quả huê cho người.
Nếu mình muốn vệ đời thủ thắng,
Mà lại lo tài chẳng bằng ai,
Khác nào uốn một, lùi hai,
Việc đời thô dễ cho người tay trên.
Nam hay Nữ, cổ kim cũng một,
Chí quyết thành: theo chốt thành công
Bại thành, thành bại chẳng cùng,
Bằng như ý định, đừng trông ở người.
Ta ôn chắc có tài bạt tụy,
Tức là ta tài chí lớn đời;
Tự mình phải đặt trên người,
Mới mong mua giải tuyệt vời bay cao.
Lòng tự ái, bước đầu sử thế,
Trước tin mình, sau sẽ nên công.
Trường đời bao cuộc tranh hùng,
Cứ gì kẻ khỏe nhất là mong ăn người,
Phải quyết được sau rồi phải được,
Không sợ thua, tự cuộc không thua.
Những ai sự nghiệp nghìn thu,
Là người tự tín có dư chí tài.

CACH CHI phiên dịch.

Vua Minh Mạng

VỚI VIỆC HỌC (1820 - 1840)

NGUYỄN THIỆU LÂU

ÂM *Qui vị (1823), tháng mười hai,* vua Minh Mạng nhân bàn việc học cùng Thị-thần, dậy rằng :

« Có một ngày, ta chợt nhớ việc nhà Minh mà quên tên người, hỏi các ngươi cũng không ai biết cả, hay chưa học sử Minh chăng » ?

Phan huy Thực tâu rằng :

« Từ nhà Lê đến nay, học cử-nghiệp chỉ đọc sử Hán, Đường, Tống để mau đi thi mà thôi ».

Ngài ban rằng :

« Từ nhà Nguyên, nhà Minh đến nhà Thanh sáu bảy trăm năm mà từ nhà Tống trở lên đã thành ra xưa lắm, bỏ gần cầu xa làm gì ? »

Lại hỏi quan Thiêm-sự Lê văn Đức:

Đức tâu rằng :

« Chúng tôi cũng học cử nghiệp mà thôi ».

Ngài ban rằng :

« Đã lâu nay văn cử nghiệp làm cho người ta lầm như thế. Ta nghĩ rằng văn chương vốn không nhất định : *nay văn cử nghiệp thì cầu nệ lối hủ lậu mà khoe với nhau, mỗi nhà lập riêng một cách học, nhân phẩm cao hay thấp, khoa trường lấy hay bỏ đều theo nề nếp ấy. Lối học như thế nên nhân tài ngày kém lần đi.* Nhưng thói quen đã lâu, đổi ngay cũng khó, vài năm sau sẽ lần lần mà đổi lại ».

Theo sử hiệu chép ở trên ta nhận thấy rằng vua Minh mạng đã hiểu rõ là « văn cử nghiệp làm cho người ta lầm », mà lầm đã từ lâu, vì « chỉ cầu nệ lối hủ lậu mà khoe với nhau ». Lối học như thế có hại, vì « nhân tài ngày kém lần đi » ; « nhưng thói quen đã lâu, đổi ngay cũng khó » nên Ngài dụ là « vài năm sau, sẽ lần lần mà đổi lại ».

Nhời dụ quí hoá thay !

Chính vua Minh mạng nhận thấy sự học của ta lầm, ngay năm Qui vị 1823) nghĩa là năm thứ tư triều Ngài. Sau này, Ngài còn trị-vì *mười bảy năm,* nghĩa là thì dụ mà vua Thiệu trị nối ngôi, Ngài sẽ không như Ngài mà sửa đổi sự học tới trong *mười bảy năm ấy,* Ngài cũng sẽ có thể cải cách được nhiều, sẽ bỏ lối học cử nghiệp « hủ lậu » và dẫn quốc dân ta lên con đường học mới vậy *Nhưng sự học của ta có phải là duy tân từ đầu đời vua Minh mạng chăng ?* Đó là điều nên xét.

Theo tài liệu ở trên, ta lại biết thêm một ít về ý Ngài : « Từ nhà Nguyên, nhà Minh đến nhà Thanh sáu bảy trăm năm mà từ nhà Tống trở lên đã thành ra xưa lắm, *bỏ gần cầu xa làm gì ?* » Ngài cho là học về kim thời đại Trung hoa mới có ích chứ học về cổ sử thời không có lợi gì cả Xét ra, nhời nói đó không phải là thật chí lý nhưng cũng không sai mấy.

Tôi rất tiếc là không có tài liệu để khảo cứu về việc cải cách sự học trong đời vua Minh mạng.

Sự học « cử nghiệp » đời vua Gia Long « hủ lậu » như thế nào ?

Sau năm Qui vị (1823), vua Minh mạng có cho cải cách sự học ấy không ? Sự cải cách ấy như thế nào ? Hiệu quả ra làm sao ? Có lâu dài bền vững không ? Gặp những trở lực gì ?

Đó là những câu hỏi mà nhà khảo cứu phải giải nhẽ vậy

Trong bài này, tôi chỉ đem ra trình bầy cùng bạn đọc *vài tài liệu nhỏ nhặt* có liên lạc tới sự học, còn vấn đề « vua Minh mạng với sự cải cách nền học của ta » thời sẽ nhờ nhà sử học khảo cứu cho.

***

Để ý tới sự học, vua Minh mạng chắc rất chú-trọng tới sự *kén chọn quan vào dậy học ở trường Quốc-tử-giám* Sử chép là năm *Giáp-thân (1824), tháng năm*, « Ngài cho quan Lang- trung bộ Lại là Nguyễn công Trứ, Lang-trung bộ Lễ là Thân văn Quyền đều thọ chức Tư-nghiệp trường Quốc-tử-giám vì Hoàng kim Hoán (không biết chức gì) tâu (như sau này) : Hai ông ấy, một ông là khoa mục giỏi, một ông là cống-cử có tiếng, có thể làm khuôn phép được, nên Ngài mới bổ cho chức ấy. »

Năm *Ất-dậu (1825), tháng giêng*, quan Tế-tửu Trần trọng Tuân, Tư - nghiệp Thân văn Quyền vì dậy bảo không chăm, tuyển-cử không tinh, phải truất.

Ngài khiến các quan ở Quốc-tử-giám phải lựa cử Giám-sinh, thay tài mà dùng, phân biệt kẻ hay người giở. Hạng mù năm ấy là bọn Nguyễn quốc Tà bầy người được thọ làm Kiểm-thảo Hạng *bình* ở lại học. Hạng *thứ* đình một tháng bổng còn hạng *liệt* thời thải về.

Tài-liệu ở trên cho ta biết là *vua Minh-mạng rất chú-trọng tới sự kén quan dậy học ở trường Quốc-tử-giám và sự kén tuyển học sinh.*

Nhưng chương-trình học như thế nào ?

Số học sinh là bao nhiêu ?

Còn các *khoa-thi* lấy cử-nhân, tú-tài, tiến-sĩ, phó-bảng thời có gì là đặc-sắc không ? Trong chương-trình có gì thay đổi để cho lối học cử-nghiệp « hủ lậu » duy tân đi không ?

Tôi rất tiếc là không tìm được một tài liệu nào cả.

Sự học của ta vốn theo chữ Hán, các *chữ ngoại quốc* không được học. Vì ở là ta không biết và cũng không muốn biết các chữ đó.

Nhưng vì thỉnh thoảng có tàu ngoại-dương tới cửa Hàn nên vua Minh mạng cho học tiếng ngoại-quốc để dạo dịch.

Ta đã học chữ và tiếng ngoại quốc như thế nào ?

***

Sử chép rằng :

Năm *Ất-vị (1835), tháng bầy*, Ngài dụ bộ Lễ như sau này :

« Xưa có chức Ký, Đề, Tượng, Dịch (đều là chức thông - ngôn nhưng vì mỗi người thuộc tiếng nói và chữ viết mỗi phương cho nên tên gọi khác nhau) hiểu

(Xem tiếp trang 13)

CHỐNG GIẶC ĐÓI

Ngàn mẫu vùng xuôi, ôi thảm trạng !
Ngầu ngầu sóng cuộn, nước mênh-mang.
Chim bay, mỏi cánh, không nơi đậu
Nước vần mây trời, bóng ngổn-ngang.

***

Đói ! Đói ! Ngập trời vạn khóc than.
Hòa-mầu tan-rã, mái-tranh tan !
Dân cầy chết dở bao sầu khổ
Nước giá băng-đông, gió lạnh hồn.

***

Bớt một lưng cơm, manh áo thải,
Đồng - bào tiếp sống lớp dân đen !
Và lòng quyết diệt bầy **Ma Đói** ;
Ấy, **Đói** no-nê, **Đói** lộng quyền !

NHẠC-THÔNG

Một Trạng-nguyên dưới triều Tự-Đức

VŨ DUY THANH

(1807—1859)

THI-NHÂM

KHOA không lấy Trạng-nguyên, cũng như quan không đặt Tể-tướng, đó là hiến-pháp của Nguyễn triều. Vậy triều Tự-Đức làm gì có Trạng-nguyên? Thế mà có « Trạng Kim-bồng Vũ-duy-Thanh ».

Vũ-duy-Thanh tự là Trừng-Phủ, hiệu là Mai-khê, người làng Vân-bồng — ngày trước là Kim-bồng — phủ Yên-khánh, tỉnh Ninh-bình. Tổ-phụ húy Tiân, nhà Cảnh-thuần Huyện-thừa, lấy con gái quan Tham-Nhị họ Nguyễn-tử xã Thư-điền, thân-phụ Lúy Trinh, đỗ Phủ sinh, lấy con gái cụ Hương-cống họ Hoàng xã Yên-kiệt. Họ Vũ vốn nghề nông từ khi thông gia với họ Nguyễn họ Hoàng là hai nhà khoa-hoạn ở Ninh-bình, mới theo đòi nghiệp học. Ông Vũ-duy-Thanh sinh ngày mồng 9 tháng 8 năm Đinh-Mão đời vua Gia-Long 1807 thuở bé [illegible] năm 14, 15 [illegible] văn [illegible] an [illegible] Vũ-duy-Thanh [illegible] thì [illegible] ông anh đỗ trước, lấy chân Tú-tài thi bổ làm Huấn-đạo huyện Vĩnh-xương, sau thăng giáo thụ hai phủ Quảng-trạch và Tường-linh, ông mãi đến năm 35 tuổi mới đỗ tú tài, năm sau là khoa Quí-mão niên hiệu Thiệu-trị thứ ba (1843) mới đỗ Cử-nhân. Sau khi lỗng thi hội, ông càng chăm học chăm làm văn. Gặp tang mẹ, ông rất mực thương sót, hết lễ cư tang, hương đảng đều khen là người có hiếu. Mùa xuân năm Tân-Hợi, niên-hiệu Tự-Đức thứ 4 (1851) ông thi hội đỗ Phó-bảng, bấy giờ đã 44 tuổi. Mùa Hạ năm ấy, vua Tự-đức mở Chế-khoa, lấy những bậc văn học ưu trường ứng tuyển địa phương khó có người như thế, số ứng cử chẳng được đầy trăm người, bèn đặc cách cho những người đỗ phó bảng khoa ấy đều được vào thi. Trúng cách 7 người, ông được lọt tên vào số thứ hai, khi vào đình đối vua Tự-Đức thân ngự ra đầu bài, cất ông lên đỗ đầu sẵn cho « Bác-học Toàn-tài đệ nhất giáp đệ nhị danh Bảng-nhãn Cát-sỹ tập-đệ » được bàn mộ là ở thế chữ «Bảng-nhãn thị Trạng-nguyên» nghĩa là đỗ Bảng-nhãn coi như đỗ Trạng-nguyên, Nguyễn triều không lấy Trạng-nguyên. Lễ-bộ mới bàn Bảng-nhãn Chế-khoa coi với Trạng-nguyên Chính-khoa hơn một bực, vì thế mới gọi là « Trạng-Kim-bồng ». Các lão Vũ-phạm-Khải soạn văn bia mộ ông có câu rằng: « Cát sỹ ở nước Nam ta, từ ông bắt đầu, Nhất-giáp ở tỉnh ta từ ông khởi thủy ». Hoàng-giáp Phạm-văn-Nghị cũng có câu đối đề mộ ông rằng: « Bảng-nhãn thị Trạng-nguyên, khoa danh thủy thử, Văn chương kiêm đức hạnh, học giả ngưỡng chi », nghĩa là Bảng-nhãn coi như Trạng-nguyên, khoa danh mới có Văn chương gồm cả đức hạnh học giả trông vào.

Ông bắt đầu được bổ Hàn-lâm thị-độc rồi vào Tập-hiền viện, sang Quốc tử-giám Tư-nghiệp, sau thăng Tế-tửu, cáo thụ Thừa-thiên đại-phủ, trật chánh tứ phẩm. Ngày mồng bốn tháng tư năm Kỷ Vị niên hiệu Tự-Đức thứ 12 (1859) ông mất tại quán, thọ 52 tuổi. Thụy « Đoan-Cẩn ».

Ông có hai vợ là chị em ruột họ Nguyễn-Tử, chắt gái cụ Chất. Trai sinh được hai trai, trưởng là Thấm, cùng mất với ông một ngày, thứ là Hàm, bấy giờ còn bé. Vua Tự-Đức chân phê « đáng thương » ban một trăm quan tiền tuất gia một tháng lương, cho đo đích hộ tống về quê an táng, đi qua tỉnh nào, nha học chính tỉnh ấy phải dựng nhà tạm làm lễ điếu tang. Đến 17 tháng 5 giữa ông mới đưa về đến Văn bồng táng tại bãi « đuôi rồng » 6 năm sau cải táng cũng táng ở đấy. Hiện nay mộ ông còn ở một khu đất rộng độ 2 sào ruộng, tại cuối làng Văn-bồng, cách đường quan lộ Ninh-bình — Phát diện chỉ độ 50 thước chung quanh có xây tường và có nhà mồ, nhà bia, cột trụ, y như một nơi lăng miếu nhỏ? đó là công đức của Văn - thần phú Yên - khánh xây dựng để kỷ niệm một bậc đại-khoa và danh sỹ gần đấy.

Ông là người bình tĩnh thực thà mà ngay thẳng, đối với người dễ dãi hòa nhã không hề tranh cạnh, nhưng đến việc nghĩ mận tục nọ và dị đoan, thì tất hết sức bài bác nầy trừ dẫu đối với bậc đại- ần, cũng cứ nói thẳng bằng, ai khác ý kiến với mình thì khinh dể đề bụng. Lúc ở Quốc tử giám, ông đã gửi sớ điều trần tám mục: một là cẩn thận phép dạy học ở các trường làng, hai là kén chọn tổng lý là lãi ba là lập kho thóc xã tương, bốn là nghiêm ngặt việc dậy học nhà Trường nhà Tự, năm là đổi lại phép thi hương, sáu là mở rộng phép dạy tại nhà quốc học, bảy là thận trọng việc kén chọn thầy bạn cho các tôn - sinh, tám là sửa định lại kinh sách để ban cấp. Lại tâu rằng: « Thánh-nhân ngày trước lập ra phép tắc, hẳn cũng thấy rõ những sự lý nên làm mà chẳng được chẳng làm, muôn đời theo đó mà không thể thay đổi, nay bàn phép chỉ sợ chẳng chu đáo, mà làm phép chỉ sợ chẳng tin thôi. Bàn chẳng chu đáo thì làm chẳng tin, làm chẳng tin thì người ta chẳng biết đâu mà theo thì mà muốn cho phải phục tập sự dậy dỗ thực là khó. Phép tắc của tiên-vương, thường lâu mà chẳng biến, là bởi bàn thì chu tất mà làm thì tin, còn phép của đời sau, thay đổi không thường, bởi bàn chẳng chu mà làm chẳng tin vậy cho nên ông Chu-công đêm ngày suy nghĩ, cũng chỉ lo thế. Vả thánh-nhân dựng phép, tất nương theo thời, nay-bệ hạ cao minh, Triều-đình nhân hạ, đương lúc miếu đường khuyến khích chính là buổi nhân tài cồ vũ phấn hưng. Thế mà phép dạy chưa có lời bàn nhất định, thì nên suy tận căn nguyên sự lập pháp, xét rõ thứ tự sự thi hành phương pháp, dựng mà chẳng thái theo mà chẳng làm để rõ điển hình cho đời sau, cứ chẳng nên chỉ lấy một điều một tiết bổ trợ cứu đỉnh mà thôi ». Tờ sớ ấy giao xuống Lễ-bộ nhưng tỏ không thi hành.

Báo mới

— Tiến hóa tuần báo ở phố Hàng Bột số 257 Hanoi.

— Đồng ruộng cơ quan của nông gia cứu quốc — 127 phố Lò Lợi.

— Chiến thắng tức báo « Quân giải phóng » đổi tên

— Dân nguyện, cơ quan hiến thiết tổ quốc ở Haiphòng.

— Trẻ em tuần báo ra ngày thứ tư — 169 — chợ Đồm Hanoi — chủ nhiệm Phạm văn Xung

— Tân thế kỷ tuần báo số đầu đã ra ngày 5-11-45 chủ nhiệm Trần an Tân — Tòa soạn 64 Hàng Trống Hanoi

Xin có lời chúc mừng các bạn đồng nghiệp mới và giới thiệu cùng các bạn đọc.

TRI TÂN

Khoảng năm Tự - Đức, tàu binh nước Pháp phạm cửa bể Trà-úc, ông khẳng khái nói rằng: « Cái tà giáo ngày nay đời xưa chưa từng có, sự thế sau này, chỉ tranh nhau ở chỗ với hòa ». Rồi ông dâng sớ, mật tâu thời sự đại yếu lấy sự tất phải đánh làm định cục. Sớ tâu không bao, bản thảo ông đốt đi nên không ai được đọc. Từ đó ông đêm ngày mai miệt với binh thư, lo nghĩ hiện ra sáo mặt, ông đem tiền lương mua các vật liệu như tre gỗ phỏng theo cách thức chế ra các thứ thuyền dùng về thủy chiến hỏa công, đương định đem các học

(Xem tiếp trang 18)

Tinh thần thượng võ

(Tiếp theo trang 3)

Nguyễn-Trung, người huyện Phong-điền, phủ Thừa-thiên, có dũng lược. Năm 1853 mộ vào lính, khi tuyển vào phong vệ, vì am tường nghề võ, sát hạch được ưu-hạng, bổ đội-trưởng, theo quan quân vào Quảng ngãi dẹp giặc, bắt chết được hai tên giặc mọi, được thăng cai-đội, sung quân thứ tỉnh Biên hòa. Thường có chiến công, được thăng vệ-úy. Năm 1883 thự hàm chưởng vệ cùng với hữu-quân là Lê-Sĩ thống-chế là Lê Chuẩn đem quân ra giữ cửa Thuận-an đến khi thành Trấn-hải thất thủ, Nguyễn-Trung cùng Lê-Sĩ, Lê-Chuẩn đều chết (*Đ. N. l. tr.*, q. 41, tờ 20b 21 a

Trần-Đôn, người huyện Từ-Liêm, tỉnh Hà-nội. Năm 1878 đỗ cử-nhân, bổ hàn-lâm-viện tu-soạn; thăng tri huyện Yên-dương. Năm 1883 tuyển quân Pháp ở Hải-phòng tiến Hải-dương, bắt Trần Đôn dẫn đường, Đôn không nghe, gieo mình xuống sông mà chết, việc ấy đến triều-đình, năm 1884 thăng hàn-lâm thị-giảng (*Đ. N. l. tr.*, q. 41, tờ 22 b).

Nguyễn-hữu-Huân, người huyện Kiến-hưng, tỉnh Định-tường. Năm 1852 đỗ thủ-khoa thi hương, làm quan từ chức giáo-thụ, dần dần thăng đến phó quản đạo. Năm 1868, Nam-kỳ lục tỉnh có việc, Hữu-Huân chiêu mộ nghĩa binh để mưu toan việc khôi phục, việc tiết lộ bị người Pháp bắt, đầy ra ngoài bể, bảy năm tha về, lại cùng Âu dương-Lân tụ họp được ba nghìn quân, thường chống cự với quân Pháp, sau lại bị bắt, Hữu-Huân và hơn một trăm người đầu-mục đều chết (*Đ. n. l. tr.* q. 41, tờ 18 b).

Phạm-văn-Đạt người Tân-thạnh tỉnh Định tường, năm 1848 đỗ cử-nhân, năm 1860 quân Pháp đánh phá thành Gia định, Đạt cùng với hương thân (học trò trong làng) là Lê-cao-Dũng khởi nghĩa mộ quân dũng-sĩ để đánh lại; sau bị bắt, hai người cùng không chịu khuất mà chết cả, quan tỉnh tâu vua nghe, vua Tự-đức lấy làm thương xót, có dụ rằng: « Bọn Đạt một người có tên trong sổ khoa mục, một người có tên trong sổ hương thân, không phải như những hạng ngôi cao lộc hậu, trước đã ngầm mộ nghĩa dân để làm việc, nghĩa cử đáng khen, kịp đến khi bị bắt lại không chịu khuất, người thì nói to để chửi giặc, người thì ngậm miệng lắc đầu không chịu uống thuốc mê của giặc, lòng trung phẫn kích thích, coi cái chết như không; những khí-tiết ấy làm cho những kẻ thân sinh phải đổ mồ-hôi chán, khiến cho những người làm việc nghĩa được thêm mạnh những bậc móc lưỡi moi ruột đời xưa, tiếng thơm không mất, ngày nay lại thấy ở bọn Phan-Đạt Lê-Dũng, Trẫm nghe mà thương xót mà ngợi khen, giao đình-thần chiếu theo hạng ưu mà tặng tuất, để cổ võ cho thế tục, Phan-văn-Đạt truy tặng hàm tri-phủ, cấp tiền tuất 40 lạng bạc, Lê-cao-Dũng truy tặng hàm xuất-đội, cấp cho 30 lạng bạc tiền tuất, đợi khi yên việc, sức lập đền ở nguyên-quán để thờ cúng, xuân thu quốc tế, sự-trạng thì giao sử-quán chép thành truyện. Vua Tự-đức lại ngự chế bài thơ cổ-phong 72 vần và chép sự-trạng, thông lực cho sĩ-thứ sáu tỉnh Nam-kỳ đều biết. Sau được thờ ở đền Trung-nghĩa (Đ.-N.-l tr. q 41 tờ 15 a b).

Hoàng-đình-Nho, người huyện Phong-điền phủ Thừa-thiên, lúc nhỏ tập võ-nghệ, năm 1845 vào lính, năm 1855 thi võ, trúng võ cử, hồ chức hành-tiền vệ Kim-ngô liền thăng cai-đội, năm 1866 ở Bắc-kỳ có bọn giặc bể, Đình-Nho đi dẹp đắc lực, được thăng quản-cơ Quảng-nam, năm 1872 giữ đồn Điệu-hải, quân Pháp xông vào đồn phá, Đình-Nho cố sức chống cự đắc-lực, được thăng lĩnh-binh Bình-định để đi dẹp giặc mọi, đến khi xong thăng đề-đốc Hải-phòng, năm 1883 đem quân đi dẹp giặc bể, giặc lên bờ đánh nhau, Đình-Nho bị chết tại trận, vua Tự-đức thương là chết về việc công, truy tặng hàm thống-chế. (Đ.-n.-l. tr. q. 41, tờ 9b 10a).

Trần-Tuyên, người huyện Hải-lăng tỉnh Quảng-trị Năm 1841 làm bố chính Vĩnh-long, dò thám được quân ở cơ Long nhuệ giao thông với giặc, Tuyên để cho án-sát là Nguyễn-đăng-Sĩ giữ thành, tự mình đem hơn nghìn quân đến Lạc-hóa bắt giặc, giặc họp tất cả đồ đảng để chống cự, Tuyên chia ra năm toán để đánh, đốt được những bộ lạc của giặc cũng nhiều, đến tối đem quân về đến nô-động quan quân đi hàng chữ nhất, tự nhiên gió mưa tối sầm lại, phục binh của giặc bốn mặt nổi lên, quân sĩ sợ tan hết, vệ-úy là Lê-kỳ ở đường bên hữu trông thấy mà

không giám tiến, quân giặc ta lại giết hết, Tri-huyện Trà-vinh là Hoàng-hữu-Quang nông thấy Tuyên bị giặc hãm, Quang cầm gươm nhảy vào vòng vây, hai người cùng bị giặc giết, vua Tự-đức nghe tin, cho là Trần-Tuyên chết tại họn tổng đốc Bùi-công-Nghị dùng rằng cho nên hỏng việc, khiển trách rất nặng. Con Trần-Tuyên là Trần xuân-Hòa cũng chết về việc nước. Xuân - Hòa đỗ cử-nhân năm 1848, sơ bổ tri-phủ lĩnh đạo Định-tường. Xuân - Hòa thường mộ dũng sĩ để giết quân Ma tà đến sáu lần, được thăng thị độc học-sĩ. Lúc bấy giờ quân Pháp vào Định-tường xuân-Hòa đem quân binh bị ở đạo ra đánh bị bắt cầu lưỡi mà chết được trung tặng quang lộc tự khanh. Vua Tự - đức dụ các quan bộ Lễ rằng ; « cha con Trần - Tuyên là người tiết nghĩa, tiếng thơm làm vẻ vang trong sử sách, thật là khó được người như thế, chuẩn cho thờ vào đền trung nghĩa (Đ. n. l. tr. q. 40, tờ 23 a đến 24 a).

- Nguyễn-đức - Chung người huyện Hương-trà phủ Thừa-thiên, lúc nhỏ đi học, năm 1816 điền vào lính tiền-phong, trong đời minh-mệnh (1828-1840) từ cai đội thăng đến vệ-úy, năm 1845 thăng lĩnh-binh tỉnh An giang, năm 1847, cửa bể Đà-nẵng có quân Tây-dương đến sinh sự Đức Chung đi về Đà-nẵng để dàn dẹp, bị chết tại trận, năm ấy Đức-Chung thọ sáu mươi tuổi, truy tặng Chưởng-vệ, cấp tiền tuất và thờ ở đền Trung nghĩa (Đ. n. l. tr. q. 40, tờ 7 b).

Cái nhiều vị hữu, không thể chép hết. Tuy những truyện trên này nghe không lấy gì làm vui, nhưng đó là một lối riêng của ta chép sử như thế. Xin độc-giả nhớ cho rằng : Những vị nào đã được chép truyện vào sử, là người có công to, đức lớn, hoặc tấm lòng trung nghĩa đáng làm gương cho đời. Tôi theo đúng nguyên - văn, không dám thêm bớt, sợ mất vẻ sử bút ; còn làng quán, chức tước, và nơi làm quan, mà cũng dịch cả là để làm tài liệu cho các nhà khảo cứu, thì dụ muốn biết công-nghiệp và sự trạng một vị nào, thì cứ đến hỏi con cháu hoặc những dân thuộc quyền, may ra lại tìm được tài liệu có ích.

Nói rút lại, cái tinh-thần thượng võ của dân Việt - nam ta có đã từ lâu. Chính những chữ « hy sinh » của ta bây giờ, là chữ « trung » chữ « liệt » đời xưa đó, anh em Nam-bộ đã hiến thân cho nước để không vẻ vàm-lăng. Sau này sẽ có dịp chép làm một quyển sử trung nghĩa hiện thời.

Ứng hoè NGUYỄN VĂN TỐ

VUA MINH MẠNG VỚI VIỆC HỌC

(Tiếp theo trang 9)

tiếng nói và phong tục các nước khác nhau.

Triều ta nay giao-thanh ra khắp bốn phương, phần nhiều các nước ở phía Đông, phía Tây đều trèo núi vượt khơi tới chầu, vậy nên cần kẻ tập quen tiếng nói và chữ viết ngoại-quốc để phòng khi thông-dịch.

Nay cho những ấn-quan các bộ viện. Nội-các, đều xét trong tử-đệ các thuộc-viên, quan Phủ-doãn xét dân trong hạt, lựa những kẻ *từ 16 tuổi sắp xuống mà tính chất lanh lợi, lại hơi thông kinh, sử* thời bộ phải kê tên tâu lên.

Triều-định sẽ cấp lương cho học-tập tiếng nói và chữ viết các nước xa gần, chờ khi học-tập đã thành mà lại có tài trí, kiến-thức sẽ xét dùng làm việc ».

Ngài lại truyền Nội-các rằng :

« Chữ Âu châu chỉ có 24 chữ cái, nếu hiểu được 24 chữ kỳ thời chữ khác cũng tự đó mà suy ra, học tập cũng chẳng khó gì ».

Rồi ngay *tháng chín*, Ngài truyền đổi Công quán Thừa-thiên làm quán Tử - dịch, cho tì Hành-nhân và những người Thông ngôn các bộ đều phải tới đó ở luôn, trách cứ các nha phải lựa tử đệ những thuộc-viên và sĩ - dân làm học trò trong sở ấy. Sửa định chương-trình, khiến cho học tập tiếng nói và chữ các nước ngoại-quốc.

Năm *Bính-thân (1836), tháng năm*, Ngài *định chương - trình dạy học trò quán Tử-dịch* học tập văn-tự ngoại - quốc như sau này :

Mỗi tháng đầu thời học chữ *Tây* mỗi ngày hai ba chữ, chữ *Xiêm* mỗi ngày bảy, tám chữ.

Đến năm tháng sau mỗi ngày học chữ *Tây* sáu bảy chữ, chữ *Xiêm* mười một, mười hai chữ.

Rồi Ngài kh đa tỉnh Bình-thuận, Hà-nội, Tuyên quang lựa con em dân trong hạt cho học tập tiếng nói chữ viết người *Chàm* người *Bà-ni*, người *Tàu*, người *Thổ*, phòng khi phiên-dịch.

Theo các tài-liệu ở trên, ta nhận rõ là vua Minh-mạng sở dĩ cho học chữ và tiếng ngoại-quốc vì « Triều ta nay giao-thanh ra khắp bốn phương, phần nhiều các nước ở phía Đông, phía Tây đều trèo núi vượt khơi tới hầu » Ngài cần có « kẻ tập quen tiếng nói và chữ viết ngoại-quốc, để phòng khi thông dịch. »

Vậy *mục-đích sự học tiếng và chữ ngoại quốc — mà chỉ có một số rất ít người học thôi — là để thông dịch.*

Không phải học để biết văn-minh nước người, để so sánh người với ta, hòng sửa cái sai của ta và bắt chước cái hay của người.

Các nước ngoại-dương mà vua cho học chữ và tiếng thời — theo chính nhời Ngài — chỉ là nước nghĩa « giao-thanh » của nước ta mà « đều trèo núi vượt khơi tới chầu ! » Ta cần gì phải bắt chước họ !

Mà sự học chữ và tiếng ngoại quốc lúc bấy giờ chắc thô thiển lắm !

Ai làm giáo sư ? Sách giáo-khoa như thế nào ?

Chương-trình học chữ *Tây* : « Mấy tháng đầu, mỗi ngày hai ba chữ, năm tháng sau, mỗi ngày sau bảy chữ » rất là sơ lược vậy. Mà học như thế trong bao nhiêu năm ? Có thi cử gì không ?

Một người « mười sáu tuổi xếp xuống » học-tập như thế vài ba năm, dăm năm thời giỏi lắm cũng như học trò lớp nhất trường tiểu học bây giờ là cùng.

Rồi ra lĩnh chức thông dịch ! Trong các khoa thi hương, thì hội không có khảo về tiếng ngoại-quốc.

Về cuối đời vua Minh-mạng, *các viên thông-dịch có ra ngoại dương* thương thuyết việc quan và có khi ở lại xứ ngoài để học tập. Đó là những du học sinh !

Thí-dụ năm *Ất vị (1835), tháng mười một*, Ngài khiến Tiểu-sư vệ-úy Nguyễn văn Chư, Nội-lang thị-vệ Võ văn Dung đem theo tên hiệu-lực Trần danh Bưu đi tàu Linh-phụng qua nước Tây thương-thuyết việc quan. Thông-ngôn Nguyễn văn Mẫn và người làm việc sở Trú-dịch là Trần đại Trung, Nguyễn tấn Quang đi theo thuyền tàu ấy qua Hạ-châu học-tập.

Năm sau *Bính-thân (1836) tháng mười một*, Trần danh Bưu Hoàng-tôn Tài và Nội-các Thị-lang Nguyễn trí Phương, Thị-vệ Võ văn Giải chia nhau đi mấy hiệu tàu Thụy-long, Linh-phụng, Vân-bằng Thanh-loan, qua Giang-lưu-phá, Tân-da-ba, và Cù-lao Bình-lang ?) làm việc quan.

Các viên thông dịch được đi ra ngoài và có khi ở lại học tập, có giúp ích gì cho sự học thời bấy giờ không ? Chắc không, hay rất ít vậy.

Ta có thể kết luận — mặc dầu tài liệu thiếu thốn — rằng *Âu-học lúc bấy giờ, nghĩ là trước đây một thế kỷ không có một chút ảnh-hưởng giúp nền học vấn của ta cả. Như vậy thời sự cải-cách học vấn của ta, do vua Minh mạng dự định năm Quí-vị 1823 sẽ chỉ trong phạm vi nho học mà thôi. Sự cải cách đó không có thể có hiệu quả mới lạ được. Và sự học cổ hủ vẫn hoàn cổ hủ.*

Xem lại nhời dụ của vua Minh mạng năm Quí vị (1823), ta nhận thấy là Ngài chỉ chích sự học cổ-nghiệp, « hủ lậu » ; ý Ngài như trên kia tôi đã nói, cho là *học cổ sử Trung hoa không có ích lợi, chỉ nên học kim sử mà thôi.* Kim sử Trung-hoa « gần » trong thời gian, cũng như xứ Trung-hoa « gần » trong không gian vậy, học gần bỏ xa là thế.

Sự cải-cách của Ngài chắc có lẽ chú trọng tới sử nhà Nguyễn, nhà Minh, nhà Thanh. Chắc Ngài ham học sử các triều ấy. Chính Ngài có nói : « Cố một ngày ta chợt nhớ việc nhà Minh. »

Ngài học sử như thế nào ?

Có phải để tìm trong sử Minh-triều những bài học chính-trị không ? Hay chỉ để kiếm những giai-thoại lý-thú ? Những giai-thoại lạ chứ không thường, mới chứ không cổ ?

Tôi không dám giả nhời, chỉ sao ra đây một tài-liệu mà tôi thấy chép như sau này. Tôi tiếc là không tìm thấy tài-liệu nào thêm

Năm *Canh-tí (1840) tháng mười một*, nghĩa là một tháng trước khi Ngài sa, Ngài làm triều dậy Thị-thần rằng :

« Vua Minh Thái-tổ tánh nghiêm minh, hay giết người.

(Xem tiếp trang 18)

Hạnh Thục Ca

của NGUYỄN THỊ BÍCH

Số 11

Ưng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Hãy đang tin tức trông mong,
Bỗng đà có thấy sớ phong đăng vào.
Ngày hai nước tâm mới trao,
Văn-Tường nhận gửi xin mau phản hồi.
Chiêu an (1) các việc xong rồi,
Pháp quan khiến khá hầu người hồi loan (2)
Thành-trì đều thảy giao hoàn,
Xin làm bao-hộ, ngõ xin giáp phò.
Phán rằng: « Lý ấy có mô ?
Họa là trời xuống phúc cho chẳng là.
Vả nay chúa-thượng dời xa,
Phải đòi trở lại cùng ta đồng đoàn. »
Bên sai thị-vệ băng ngàn,
Tin chỉ đặng biết phải toan kịp hồi,
Tiếp liền Tôn Thuyết tư lai,
Trách rằng: « Các gã làm lời Nguyễn văn,
Đã không biết lý phải chăng,
Một lòng cùng giặc gian thần mà nghe
Nếu mà nghe sưa lời kia,
Nay gươm ba thước quyết lìa chẳng dung. »
Các quan sau sát hãi hùng,
Tới lui hai ngả, đều cùng sợ e,
Kẻ theo Tôn-Thuyết một bè,
Bàn rằng: « Việc ấy phải gì chưa tin. »
Ngày ba mươi lại tiếp liền,
Văn-Tường sớ gấp kịp xin phản hoàn.
Thánh-tâm (3) quyết định mới truyền:
« Chẳng ngươi nên khá liệu toan rước về.
Nói chi thì cũng chớ nghe,
Vâng ta ý chỉ, sợ gì đó đây. »
Các quan phụng mệnh lo thay !
Một người Trương-Đễ gửi rày xin đi.
Ba ngày trông chẳng thấy chi.
« Hẳn là cố ý điên trì mạn khinh,
Vì người mưu sự chẳng thành, (4)
Lại toan sang chước giữ mình lánh xa.
Nếu mà chờ đợi dần-dà,
Thất cơ e nỗi việc ra khó lòng. »
Bèn truyền chúng thầy hội-đồng,
Phải lo hộ-giá lưỡng cung tiến hồi (5)
Nay ta về trước thử coi, (6)
Đường nào rồi sẽ liệu bài rước vua »
Các quan nghe lệnh sợ lo:
« Xin vâng Thánh chỉ dám mô trễ tràng »
Nguyễn-Hanh sẽ tấu nói bàn:
« Nay về nên phải lên đường nửa đêm.
Mới là thận-mật khỏi hiềm »
Thoáng qua đã biết lòng tiềm dị-mưu.

---

(1) Chiêu là vời an là yên, nghĩa là chiêu dụ nhân dân về an-cư lạc-nghiệp.

(2) Hồi là về, loan là nhạc ngựa xe vua đi thường buộc nhạc ngựa, nên gọi là loan. Về sau những xe của mẹ và vợ cùng con vua cũng dùng chữ loan.

(3) Thánh-tâm là lòng thánh tức lòng vua, ý nói vua quyết định.

(4) Câu « vì người mưu sự chẳng thành, lại toan sang chước giữ mình lánh xa », bản nôm của trường Bác-cổ sao được (số AB 193, tờ 22 b) có thêm hai chữ « xác đáng » nghĩa là đáng lắm, ý nói chính trong lòng Trương-Đễ cũng muốn như thế.

(5) Hộ là theo đuổi ; giá là ngựa kéo xe, giá lại có nghĩa là vua đi. Hai chữ « hộ giá » thường dùng về nghĩa đi theo xe vua. Ở bài này nghĩa là hộ vệ hai bà mẹ và vợ vua Tự đức về kinh-thành trước

(6) Câu « nay ta về trước thử coi, đường nào rồi sẽ liệu bài rước vua », bản nôm phê câu « Trí tai khôn nguyên, vận kiền chi đoán » nghĩa là « Rất mực thay bực khôn nguyên, chuyên vận sự quyết đoán quả kiền », ý khen thái hậu có lòng quyết đoán như bậc trượng-phu.

Quở rằng : Tăm tối đi đâu ?
« Hay là người tính gạt nhau lý nào ?
Không nghe xem thử làm sao,
Lập mưu yêu kiếp (7) há nào ra chi ? »
Thấy ngài thái hậu sinh nghi,
Cúi đầu chịu quở, lánh đi một bề.
Quân quan sắm-sửa hầu về.
Đến ngày mồng bốn hội tề hồi-loan,
Tỉnh-thần Trương-Đẩn (8) hỗ-hoàn,
Khuếch thanh lất đạo một đoàn thẳng vô
Trải qua làng mạc chỗ mô,
Trẻ già hớn hở mừng vua lại về
Mồng năm mới tới kinh-kỳ (9)
Vào nhà thích lý (10) một khi tạm đình.
Thiện (11) rồi khởi giá tiến hành,
Đoái xem phong cảnh động tình cảm thương
Khiêm-lăng (12) lên thẳng một đường,
Quanh hiu cung điện khói hương lạnh-lùng,
Ngậm ngùi chi xiết đau lòng,
Khôn cầm châu lệ (13) dòng dòng tuôn dơi.
Bỗng đâu bèo nổi sóng vùi,
Tan rồi lại hợp ở rồi kh ến vay.
Cũng nhờ đức cả cao dầy
« Cát nhân thiên tướng (14) ở rày vững an
Trùng-phùng xiết nỗi bi hoan,
Khang cường mừng thấy gian nan chi nài.
Khiêm-cung mang đặng phúc hồi,
Từ đây sống chết chẳng rời chẳng xa.
Thỉnh an (15) phải chính tân qua,
« Còn như việc nước rồi ra sẽ bày »
Sớ dâng kể việc bấy nay,
« Cầm quyền xin phải tam rày thủy liêm.
Ngõ (16) cho việc nước đặng êm,
Lần hồi sau hãy rước tin ấu quân »
Phiền từ mọi việc để dâng (17)
« Giám xin ý chỉ khâm tuân thi hành (18)
Giận tây dân chẳng phục tình,
Văn-thân với đạo trung hành giết nhau (19)
Thừa-cơ phá huyện cướp châu,
Làm cho lê-thứ lo âu nghiêng nghiêng,
Vua con phủ Cát đăng nhau (20),
Làm nghe uổng sức mang điều bất cộng
Giải-hòa khắp dụ khuyên cùng,
Dân chẳng khẳng thuận lòng lạ thay (21)
Dẹp loạn phải cậy người Tây,
Sinh-linh (22) tàn-hại chầy ngày chưa an.
Rước vua nay kịp phải quan,
Ai ngờ Tôn-Thuyết đem đàng lánh xa.
Quanh co tìm kiếm chẳng ra,
Thượng-du non núi rất là khó đi.
Thăm dò may gặp eó khi,
Giữa đường lại bị cướp đi biệt tăng.
Đồn nghe chiếu dụ tăng bằng,
Phi tư (23) các tỉnh lẫy lừng cần vương (24)
Huyên truyền hưởng ứng bốn phương.
Đốc loan cử nghĩa trảng cướng (25) cơ đồ.

Còn đang trông mong tin-tức, thì bỗng thấy cờ sớ dẫng lên hôm ấy là hai mươi tám tháng năm (sách Delvaux chép là 11-7-1885. Trong sớ Nguyễn-văn-Tường tâu « xin hồi loan ngay : các việc hiểu dụ nhân-dân, an cư lạc nghiệp, đã xong cả rồi, người Pháp nói xin rước ngài về, sẽ giao trả tất cả thành trì, chỉ xin làm bảo hộ giúp đỡ mà thôi ». Thái hậu phán rằng : « Không có lý gì như thế, họa là trời có giáng phước cho chăng. Vả lại, hiện nay Chúa-thượng còn lánh ở nơi xa, các ngươi phải mời ngay trở lại, để cùng về với ta ». Bèn sai thị-vệ đi tắt ngang rừng suối, để tin cho biết, đặng lo toan đường về, thì vừa gặp công văn của Tôn thất Thuyết tư lại, quở trách rằng : « Các ngươi bị mắc mưu của Nguyễn văn Tường rồi ! Đã không biết lẽ phải trái, lại nghe kẻ gian-thần cùng lòng với giặc ! Nếu ai nghe lời Nguyễn-văn-Tường, thì lưỡi gươm ba thước này quyết không dung thứ ». Các quan ai nấy hãi-hùng, thật là tâu thoái lưỡng nan ; đàng nào cũng e sợ cả. Những người về bè với Tôn-thất-Thuyết, thì bàn nhau rằng « Việc ấy chớ nên tin » (không lý gì người Tây lại cho hòa). Đến ngày ba mươi tháng năm lại tiếp luôn một lá sớ nữa của Nguyễn-văn-Tường giục mau mau phản hồi. Thái-hậu bấy giờ mới quyết định, dụ truyền rằng : « Các ngươi nên liệu thu-xếp việc hồi loan dù ai nói chi cũng chớ nghe, cứ vâng ý-chỉ của ta là được, không sợ gì ». Các quan vừa phụng mệnh vừa lo sợ. Một mình Trương Đỗ tâu xin đi tìm vua. Đã ba ngày mà chẳng thấy tin tức gì, thái hậu đoán rằng :

« Chắc có ý làm cho chậm trễ, thật là đáng tội khinh mạn, vì hẳn mưu sự không thành, lại toan xoay ra kế đi lánh xa để giữ mình. Nếu mà ta cứ chờ-đợi rày lần mai lữa, lỡ đến lúc thất-cơ lại hóa ra khó lòng. » Nghĩ như vậy rồi truyền các quan phải hội-tề tất cả, để lo toan việc hộ giá luỡng-cung về trước : Từ-Dũ thái-hoàng thái-hậu, mẹ vua Tự-đức, và Trang-ý thái-hoàng-hậu, vợ vua Tự-đức. « Nay ta về trước thử coi thế nào, rồi ta sẽ liệu đến việc rước Vua ». Các quan nghe tệnh lấy làm lo sợ, ai cũng xin vâng thánh chỉ, không dám trễ tràng. Có Nguyễn Hanh nói sẽ rằng : « Nay trở về, nên lên-đường vào nửa đêm, thì mới được cẩn mật, khỏi sinh niềm nghi ». Mới nghe thoáng qua, cũng đã biết là có tiềm tâm mưu khác, nên thái hậu quở rằng : « Đi đâu vào những lúc tối-tăm ? Hay là người lại lừa gạt ta ? Có lý nào như thế ? Ta thử không nghe xem ra làm sao. Những người lập mưu yêu-giả mà hóa là kiếp-giả thì có ra gì ! » Thấy thái-hậu sinh nghi, Nguyễn Hanh cúi đầu chịu lời quở mắng, rồi lánh đi một chỗ. Quân quan sắm sửa để về, đến ngày mồng bốn tháng sáu họp đông đủ để hầu Ngài hồi loan. Quan tỉnh có Trương Quang-Đản theo hầu, hai bên đường có quân tất đứng chực, hoàng-gia cứ thẳng vô kinh-thành. Đi qua những làng xóm lồng mạc, già trẻ đều một lòng hớn hở, mừng vua lại về. Sang ngày mồng năm

(Xem tiếp trang 20)

(7) Yêu là đón, kiếp là cướp, vì có chữ yêu giả là đón xe vua, lại có chữ kiếp giả là cướp xe vua, nên dùng hai chữ ấy.

(8) Tất là quân tất, phép nhà Tần; khi thiên-tử đi trở ra có quân cảnh, đi trở vào có quân tất, tức là lính đứng trực hai bên đường cho sạch sẽ và cấm dân qua lại.

(9) Kinh là lớn, kỳ là cõi đất. Chỗ vua ở gọi là kinh kỳ, cũng như kinh-sư, kinh-đô, kinh thành ở bài này là kinh-đô Phú-xuân. Phong đào có câu « thủ nhất kinh-kỳ thứ nhị phố Hiến » kinh-kỳ ấy là kinh-đô Thăng long.

(10) Thích-lý là nhà ở mà họ ngoại các bà đế vương (đế vương ngoại thích sở cư xứ), tức là làng của mẹ vua hoặc vợ vua.

(11) Thiện là cơm, hoặc bữa ăn ; ít khi đặng một chữ : ngự thiện là vua ăn, thượng thiện là dâng cơm, lý thiện là làm cơm.

(12) Khiêm-lăng là lăng vua Tự-đức.

(13) Châu lệ là nước mắt đỏ như hạt châu, tức là khóc chảy máu mắt.

(14) Cái nhân thiên tướng là người lốt thì trời giáng.

(15) Thỉnh-an nghĩa đen là cẩn bình-yên, tôi đối với vua hoặc con đối với cha mẹ thường dùng chữ ấy.

(16) Chữ ngõ đây là ngõ hẻm.

(17) Câu « Phiền từ mọi việc đến đây » bản nôm phê bốn chữ « quyền thần cố sảo » nghĩa là « Sảo cã của bọn quyền thần ».

(18) Khâm-tuân thi-hành là theo mà làm một cách kính cẩn.

(19) Câu « Văn-thân với đạo tranh nanh giữ nhau » bản nôm phê bốn chữ « kỳ chi thắc nhĩ » nghĩa là « chỉ được nghề thế » ! Câu ấy phê không đúng. Nếu bấy giờ ai cũng biết giận Tây, thì làm gì có cuộc « bảo-hộ » ?

(20) Con phò Cát tên là Đặng văn-Phò, là con Đặng-văn-Cát và Thường sơn công-chúa.

(21) Câu « mà dân chẳng khẳng thuận lòng lắm thay », bản nôm phê bốn chữ « thân âm khả thị » nghĩa là « lòng người khá cậy », ý nói lòng dân có thể trông cậy được.

(22) Sinh linh cũng như chữ sinh-dân, tức là nhân-dân, do chữ kinh Thi từ đời nhà Chu. Tổ nhà Chu là ông Hậu Tắc (?) (hậu là vua, tắc là lúa, chữ Pháp dịch là millet à panicules) sinh ra nghề cầy cấy, dân mới có ngũ cốc mà sống nên gọi dân là sinh-dân để ghi công ông Hậu tắc, ý nói dân được sống là nhờ ở người chế ra nghề cầy cấy.

(23) Phi-tư là tờ tư nhanh như bay.

(24) Cần vương nghĩa là hết sức với nhà vua, do chữ kinh Thư : « Vương-Quý kỳ cần vương gia » nghĩa là « Vương-Quý » ông việc nhà vua ». Đời sau đem quân đến cứu viện nhà vua gọi là « cần vương ».

(25) Trùng là hai tầng hoặc nhiều tầng, quang là sáng. Hai chữ « trùng quang » do chữ kinh Thư nói đức vua Vũ-vương cũng sáng như vua Văn-vương. Nhưng hai chữ « trùng quang » ở bài này hơi khác là Khôi phục cơ-đồ.

BÀI DIỄN VĂN

(Tiếp theo trang 6)

lâu vì chúng ta có đủ nhiều điều kiện thuận tiện về địa lợi, nhân hòa trong cuộc đổ máu thiêng liêng vậy. Về chiến thuật du kích, với chính sách bất hợp tác, với toàn dân đoàn kết nó đủ đảm bảo cho một cuộc trong kỳ kháng chiến, để thu lấy thắng lợi cuối cùng.

Trái với sự mong mỏi của quân Pháp muốn kết thúc chiến chanh một cách mau chóng; ơn thế nữa, muốn bưng bịt cuộc chiến tranh trong khuôn khổ của một cuộc giải quyết địa phương, chúng ta phải làm cho giặc Pháp nhận thấy một nước tiến sâu vào nội địa Việt Nam là một cuộc khó khăn; một nước tấn sâu vào nội địa Việt Nam là một bước khốn đốn, mà chúng không dễ ăn tươi nuốt sống chúng ta một cách dễ dàng như 80 năm về trước nữa đâu.

Hỡi anh chị em đồng bào:

Không một nền độc lập nào trên thế giới mà không mua bằng máu. Máu dân tộc Việt Nam đã đổ trên 70 năm nay dưới gót sắt của đô hộ Pháp, và máu Việt Nam hiện tại đang đổ nhiều ở Nam Bộ và máu Việt Nam phải còn đổ nhiều hơn nữa, nếu chiến tranh lan rộng ra nữa.

Trên giòng máu thiêng liêng ấy, thế nào dân hoá tự do cũng phải nở.

Trên giòng máu thiêng liêng ấy, thế nào nền độc lập cũng phải xây.

Trên giòng máu thiêng liêng ấy, dân tộc Việt Nam thế nào cũng phải sống: thế nào cũng phải sống.

TRẦN HUY LIỆU

VUA MINH MẠNG

(Tiếp theo trang 14)

Khi bà Mã hậu đau mà mất, vua Thái tổ thương xót không nguôi, giết hết bọn thầy thuốc. Đến ngày tống-táng, gặp trời mưa giông, không táng được, vua Thái tổ đòi bọn thầy tu giải tụng kinh cầu tạnh mà đã sẵn lòng muốn giết thầy tu. Thầy tu tụng câu kệ rằng:

Võ thập, thiên thủy lụy,
Lôi minh, địa cử ai.
Thập phương chư Bồ tát,
Tương tông Mã như lai.

Nghĩa là:

Mưa đổ trời sa lụy,
Sấm vang, đất cất ai.
Mười phương các Bồ tát,
Đưa đám Mã như lai.

Thái tổ nghe, không nỡ giết bọn thầy tu. May mà trời tạnh, đòi thầy tu muốn ban thưởng thì thầy tu sợ đã chốn đi hết.

Lúc trước, Thái tổ mới khởi binh, vào chơi một chùa kia, thầy tu già hỏi tên họ Ngài. Ngài đề bài thơ trên vách rằng:

Sát tận Giang-nam bách vạn binh,
Thủ trung bửu kiếm huyết gio tinh.
Lão tăng bất thức Anh-hùng hán,
Thượng cảm ngao ngao vấn tánh danh

Nghĩa là:

Giết hết Giang-nam trăm vạn binh,
Trong tay gươm báu huyết còn tanh.
Sư già chẳng biết người anh-kiệt,
Còn dám nghênh ngao hỏi tánh danh.

Sau Thái tổ lên ngôi, đòi thầy tu già muốn giết thì đã chết rồi. Nhân hỏi bọn tăng chúng rằng: « Thơ ta đề trên vách có sao không còn? » Bọn thầy tu thưa rằng: « Thầy tu già đã rửa đi rồi, chỉ để một câu kệ rằng:

Ngự bút đề thi bất cảm lưu,
Lưu lai dụng khủng quỷ thần sầu:
Cố tương pháp thủy khinh khinh tẩy,
Thượng hữu Long quang sự Đầu ngưu.

Nghĩa là:

Ngự bút đề thơ, chẳng dám lưu,
Lưu thời chỉ sợ quỷ thần sầu.
Vậy đem nước pháp hơi hơi rửa,
Còn khí Long-quang gọi Đầu-ngưu ».

Thái tổ rằng: « Chưa biết thiệt không nhưng ta mới nổi đến mà tăng chúng ứng khẩu đọc thành bài kệ được thời tha tội cho ».

Thái tổ lại nghe họ Trịnh người Phố-giang đã mấy đời ở chung, phép nhà rất nghiêm đòi đến bao khen, rồi cho về. Bà Mã hậu nói rằng: « Nhà ấy ở chung hơn 2.000 người, không hề trái nhau chút gì, thiệt là hòa thuận. Nhưng nếu âm-mưu làm điều tiềm-nghịch, há chẳng dễ lắm à? » Thái tổ gật đầu, lại cho đòi họ Trịnh đến ngay, nói: « Cớ sao mà ở chung với nhau được lâu vậy? » Trịnh thưa rằng: « Đàn mọn này trị nhà không chước gì lạ. Chỉ không nghe nhời đàn bà mà thôi. » Thái tổ cười rằng: « Phải đó ». lại cho về.

Vua Minh mạng học sử như thế sao? Hay nhân buổi Triều ít việc, Ngài đem mấy giai-thoại kể trên cho đình-thần càng biết?

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

VŨ DUY THANH

(Tiếp theo trang 11)

trò dâng sớ lần nữa, nhưng chưa kịp thì mất, Hiện nay con cháu sinh tụ tại làng Vân-bồng, có nhiều người làm chính trị.

Tại mộ ông, trừ văn bia của cụ Các Phương-trì và câu đối của quan Hoàng Tam-đăng, còn có thơ và câu đối của các văn thân cung đề, xin sao lục và phác dịch :

THƠ

Mai khê phu tử quế lâm tiên
Đương đại danh sư khoáng thế hiền.
Tấu nghị bát điều kinh thuật phú.
Chế khoa nhất giáp đại danh truyền.
Thủy Điền văn vật trung linh địa.
Hồng Lạc văn chương vị tảng thiên
Hoa biểu tức kim do khởi kính.
Sùng nho tưởng kiến thái bình niên.

Tuần Phủ Phan-đình-Hoè

DỊCH :

Tiên trong rừng quế « Trọng Vân-bồng »,
Đời trước, đời này dễ mấy ông.
Tấu nghị tám điều tài rõ rệt.
Chế khoa nhất giáp tiếng vang lừng.
Tô thêm phong cảnh vùng Điền, Thủy,
Còn mãi Văn chương nước Lạc, Hồng.
Hoa biểu tới nay càng khởi kính,
Tưởng như đương gặp hội mây rồng.

CÂU ĐỐI :

1

Chỉ khoa Đường Tống lai thiên cổ,
Cát sỹ Ngu, Chu hậu nhất nhân.

(Tương truyền của một danh sỹ Trung-Hoa)

ĐỊCH :

Chỉ khoa, từ Đường, Tống đến nay nghìn thuở,
Cát sỹ, sau Ngu, Chu chỉ có một người.

2

Long vỹ lạc thần bi, tử hậu văn chương di Các lão.
Thúy sơn bình tháp ký sinh tiền tâm sự chứng Thăng-am,

Tuần phủ Phan đình Hoè

DỊCH :

Thần bi khả bãi đuôi rồng, khi chết văn chương danh Các lão.
Tháp Ký bàn văn núi Thúy, thuở còn tâm sự tỏ Thăng am.

3

Tạo vật giả giu, vi tinh vi vẩn vi lân phượng.
Triết nhân dĩ thệ, thử hoài thử ảnh thử giang san.

Tú tài Nguyễn trọng Lữ

DỊCH :

Con Tạo cùng chơi, sao nọ mây kia lân với phượng,
Người xưa đã vắng, lòng này cảnh ấy nước cùng non.

4

Tẽ-tháp bình bi văn hữu chủng,
Thiên-hôn kháng sở thảo câu phần.

Cử nhân Phạm xuân Quang

DỊCH :

Tháp núi bàn bia văn có mả.
Cửa trời dâng sớ thảo ra tro.

Ký giả đã *co* dịp qua thăm mộ ông, có lạm đề mấy câu, xin biên ra đây để thỉnh giáo cùng độc giả :

Khí thiêng nung đúc bởi non sông
Danh giá rừng nho cụ Trạng Bồng
Hai chữ khoa danh đề tháp nhọn.
Muôn năm thề phách tảng đuôi rồng.
Lập ngôn chẳng nát cùng bia đá.
Ái quốc còn bay tự khoảng không
Sự nghiệp văn chương là thế thế.
Khiến ai bồng điểu những đem lòng

THI NHAM

Các cuộc hội họp Thanh niên hàng tuần

Bắt đầu từ tháng Một 1945 Bộ Thanh - Niên sẽ tổ chức những cuộc hội họp Thanh-Niên hàng tuần hoặc ở Nhà Hát Lớn hoặc ở Phòng Hội - Đồng Bộ Thanh-niên (54 phố Trần-nhân-Tôn tức Miribel cũ). Những cuộc hội họp ở Bộ sẽ có tính cách hội họp thân mật, khác với những buổi tổ chức ở Nhà Hát Lớn có tính cách giáo-dục bao quát cả toàn thể. Ngoài ra Bộ sẽ cho phát hành vào trung tuần tháng Một một tờ báo cho Thanh Niên lấy tên là « Thanh-Niên Việt Nam », và sẽ tổ chức những lớp huấn - luyện cho Thanh Niên về cả phương-diện

Buổi họp đầu tiên sẽ tổ chức ở Nhà Hát Lớn chiều thứ năm 8 tháng Một hồi 19g30. Anh Võ-nguyên-Giáp sẽ nói về « Câu chuyện trên khu giải phóng ».

Bạn nào muốn biết rõ hơn, xin lại Văn-Phòng Bộ Thanh-Niên số 54 Trần - nhân - Tôn (Miribel cũ).

HẠNH THỤC CA

(*Tiếp theo trang 14*)

tới kinh vào nhà thích-lý nghỉ tạm, dùng cơm rồi lại khởi hành. Đoá tr ng phong cảnh mà động lòng cảm- hương, lên Kh êm-lăng thì cung đền hiu-quạnh, kh i hương lạnh lùng. Ngậm ngùi x ết nỗi đau lò g, khôn ngăn giọt lệ, hai hàng như mưa! Lỗng cầu như bèo nổi nhữ sóng vùi, mỗ người mỗi ngả đến bây giờ là tan rồi lại hợp, thật là ở trời su nâu. Được như thế cũng nhờ ở đứ cao dày. S ch có chữ « Cát nhân thiên tướng » : từ rày chắc là yên-ổn vững-vàng. Trong khi trông-phùng biết bao nhiêu là nỗi bi-hoan! Thấy được mạnh khỏe là mừng, không kể gì khó nhọc. L ở g-cung may về được Khiêm-cung, từ đây trở đi dù sống dù thác chẳng đời chẳng xa. Chức phụ-chính vào tâu « thỉnh an », rồi sẽ bày tỏ đến việc nước, dâng sớ kể công việc trong khi đi vắng, và x n thái-hậu tạm cầm quyền, mong cho việc nước được êm, ngày một ngày hai sẽ đi tìm rước ấu quân trở về. Trong phiến đã tâu rõ các việc, xin ngài ban ý-chỉ để tuân hành. Còn về dân thì chẳng chịu phục tình người Tây, đảng văn-thân và đảng theo đạo tranh nhau giết nhau, rồi thừa cơ đi phá huyện nọ cướp phủ kia, làm cho dân gian sợ hoảng. Lại vu cho con phò-mã Đặng-văn-Cát kết đảng làm loạn, nghe lầm giết oan, thật là bất công, cho nên khuyên dụ giải hòa mà dân vẫn không chịu theo (*đáng khen dân trí bấy giờ!*) sau phải nhờ đến người Tây dẹp loạn, thật là tai hại nhân dân mãi chưa yên! *đáng thương chính-phủ bấy giờ phải mượn quyền áp-chế để hại nhau!*) Một mặt phá quan đi rước vua, ai ngờ Tôn-thất-Thuyết đã đem đi xa rồi. Cứ quanh quẩn tìm ở nơi rừng núi và miền thượng-du, rất là khổ sở. Thăm hỏi dò-la may có khi gặp, thì lại bị Tôn-thất-Thuyết cướp đi giữa đường. Dân-gian đến đây có chiếu dụ phi tư ra các tỉnh để khởi quân cần vương: khắp bốn phương đều nưởng ứng, chỗ nào tấ g đốc lòng lo toan việc khởi nghĩa để cơ-đồ lại được sáng sủa như xưa.

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRI-TÂN TẠP-CHÍ

RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC Số 211

Tinh thần thượng Võ — *Nguyễn-văn-Tố*

Đã t u điều trước — *Kiên-Xương*

Bài diễn văn của ông Trần huy Liệu Bộ trưởng bộ Tuyên truyền

Con đường thủ thắng — *Cách Chi phiên dịch*

Vua Minh-mạng với việc học (1820-1859) — *Nguyễn-thiệu-Lâu*

Chống giặc đói — *Nhạc thông*

Một trạng nguyên dưới triều Tự-đức (1807-1859) — *Thi-Nham*

Hạnh thục ca (XI) — *Ứng-hòe*

***

GIÁ BÁO

Một năm	55$00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

***

TÒA BÁO

95 — 97 phố Đông Tân — *Hà-nội*

***

Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng

Vũ-ngọc-Cử 40, phố Đông kiều — Hải-dương

T.T.T.Q V.H. : Do nghị định số 18 ngày 8 tháng 10 năm 1945 của ông Bộ trưởng bộ Nội Vụ

Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng — Nhà in Tri-Tân số 95—97 phố Đông Tân Hanoi